

Số: 1805/TB-BVNĐ2

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 9 năm 2023

## THÔNG BÁO YÊU CẦU BÁO GIÁ

Vật tư hóa chất và vật tư y tế triển khai phòng khám Y học cổ truyền

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Bộ y tế Quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Bệnh viện Nhi Đồng 2 có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, làm cơ sở tổ chức kế hoạch mua sắm vật tư hóa chất và vật tư y tế triển khai phòng khám Y học cổ truyền với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nhi Đồng 2.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
  - Họ và tên: Trần Minh Nhật
  - Chức vụ: Nhân viên phòng Vật tư – Thiết bị y tế.
  - Số điện thoại: 0907333324
  - Email: [nhidong2.bme@gmail.com](mailto:nhidong2.bme@gmail.com)
- Cách thức tiếp nhận báo giá: Bản giấy và file mềm excel theo mẫu phụ lục 2 đính kèm.
  - Nhận trực tiếp tại địa chỉ:  
Phòng VT-TBYT. Địa chỉ: Số 14 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM.
  - Nhận qua email: [nhidong2.bme@gmail.com](mailto:nhidong2.bme@gmail.com)
- Thời gian tiếp nhận báo giá:  
Từ 08h ngày 29 tháng 09 năm 2023 đến trước 17h ngày 03 tháng 10 năm 2023  
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá:  
Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 09 tháng 10 năm 2023

## II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị): Phụ lục 1 đính kèm.
2. Bảng báo giá: Theo mẫu Phụ lục 2 đính kèm.
3. Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (bằng tiếng Việt).
4. Thông báo trúng thầu hoặc hợp đồng đã ký trong vòng 120 ngày kể từ ngày thông báo (nếu có).
5. Các thông tin khác (nếu có)

Các đơn vị tham gia chào giá có thể liên hệ số điện thoại: 028.38295723 – 453 để tìm hiểu thêm thông tin.

Bệnh viện Nhi Đồng 2 kính mời đại diện các đơn vị nộp bản báo giá trong thời gian và địa điểm nêu trên./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VT-TBYT(BTTH, 02).



PHÓ GIÁM ĐỐC  
TS.BS Phạm Ngọc Thạch

## Phụ lục 1: Danh mục yêu cầu báo giá

(Đính kèm Thông báo số: 1803/TB-BVND2 ngày 28 tháng 9... năm 2023)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
1	Xe tiêm 40 x 60cm 2 tầng có hộp	Xe tiêm kích thước 40x60cm 2 tầng có hộp	2	Cái
2	Bộ đo huyết áp cơ	- Đồng hồ chuẩn có vạch chia từ 20 ~300mmHg Độ chính xác ± 3mmHg - Hệ thống ống dẫn khí : bộ bao vải túi hơi + quả bóp có van - Yêu cầu có dán tem kiểm định	2	Cái
3	Đèn đọc phim X quang (1 phim)	Đèn đọc phim XQuang 1 phim (đọc được CT, MRI, X-Quang) Kích thước 45 x 36cm Tự động bật sáng khi cài film hoặc công tắc tiện dụng tay. (LED) Ánh sáng đồng đều Vỏ đèn bằng inox Nguồn điện: 220 VAC	1	Cái
4	Búa gõ phản xạ	Búa thử phản xạ ( đầu tròn) Thử phản xạ của cơ thể, giúp nhận biết được khả năng phản ứng lại với các tác động của môi trường xung quanh như thế nào. Thông số kỹ thuật: * Chất liệu cán: inox cao cấp * Chất liệu đầu búa: đệm cao su. * Chiều dài: 20 cm.	2	Cái
5	Ổng nghe	Ổng Nghe 2 Màng Nghe	2	Cái
6	(Bộ) Thước đo tầm vận động khớp (ROM)	Bộ thước gồm 5 loại: 1.Loại thước tròn 2 nhánh lớn: dài 30cm, đường kính vòng tròn 12,5 cm dùng đo : khớp vai, khớp khuỷu tay, khớp hông, khớp gối. 2. Loại thước tròn 2 nhánh nhỏ: dài 21cm, đường kính vòng tròn 9cm dùng đo : khớp cổ tay, khớp cổ chân 3. Loại thước bán nguyệt 2 nhánh: dài 17cm, bán kính 3,5cm dùng đo: khớp cổ tay, khớp bàn đốt, khớp liên đốt ngón tay và ngón chân 4. Loại thước bán nguyệt 1 nhánh: dài 10,5cm, bán kính 5cm dùng đo các khớp nhỏ: khớp bàn đốt, liên đốt ngón tay, ngón chân 5. Loại thước 3 nhánh gấp khúc: dài 42,5cm, mỗi nhánh dài khoảng 16cm, dùng đo các khớp của cột sống.	1	Cái
7	Đèn cồn phòng thí nghiệm	Đèn cồn thủy tinh dùng trong đốt sáng và có thể đun nóng các loại dung dịch, khử trùng dụng cụ. * Sản phẩm thiết kế hình trụ đẹp mắt, thủy tinh borosilicate chất lượng trong suốt, mỏng nhẹ, không đục màu (so với các loại đèn cồn khác). * Nắp đèn cồn được sản xuất bằng thủy tinh đồng bộ với phần thân, cho đèn cồn một thiết kế diện mạo cao cấp, sang trọng.	2	Cái
8	Tủ vật tư 40x80x160cm	Tủ vật tư kích thước 40x80x160cm	1	Cái
9	Hộp đựng dụng cụ y tế 23x10x5 cm	Hộp đựng dụng cụ y tế kích thước 23x10x5 cm	5	Cái
10	Hộp hấp bông gạc	Hộp hấp bông gạc	2	Cái
11	Hộp đựng dụng cụ y tế 8 5x7 cm	Hộp đựng dụng cụ y tế kích thước 8 5x7 cm	8	Cái



STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
12	Bình và kiềm tiếp liệu	Bình và kiềm tiếp liệu (Bình 16x5 cm; panh thẳng 16cm không máu)	6	Bộ
13	Kéo y tế thẳng	Kéo y tế thẳng 16cm 2 đầu tù	2	Cái
14	Khay hạt đậu	Khay hạt đậu nông kích thước 18,5x11,5x2 cm	8	Cái
15	Mâm chữ nhật đựng dụng cụ	Mâm chữ nhật đựng dụng cụ kích thước 22x32x2 cm	5	Cái
16	Chén chum	Chén chum hình tròn kích thước 8x5cm	6	Cái
17	Kim châm cứu vô trùng dùng 01 lần kích cỡ 0,18x15 mm ( $\pm 5$ mm)	Kim châm cứu vô trùng dùng 01 lần. Chất liệu thép không gỉ, dẫn điện. Kích thước thân kim 0,18mm x 15mm ( $\pm 5$ mm). Đóng gói vỉ giấy 01 cây hoặc 05 cây. Hạn sử dụng tối thiểu 18 tháng.	2.000	Cái
18	Kim châm cứu vô trùng dùng 01 lần kích cỡ 0,25 hoặc 0,30 x25 mm ( $\pm 5$ mm)	Kim châm cứu vô trùng dùng 01 lần. Chất liệu thép không gỉ, dẫn điện. Kích thước thân kim 0,25mm hoặc 0,3mm x 25mm ( $\pm 5$ mm). Đóng gói vỉ giấy tối đa 05 cây. Hạn sử dụng tối thiểu 18 tháng.	3.000	Cái
19	Kim châm cứu vô trùng dùng 01 lần kích cỡ 0,3x40 mm ( $\pm 10$ mm)	Kim châm cứu vô trùng dùng 01 lần. Chất liệu thép không gỉ, dẫn điện. Kích thước thân kim 0,3mm x 40mm ( $\pm 10$ mm). Đóng gói vỉ giấy tối đa 05 cây. Hạn sử dụng tối thiểu 18 tháng.	1.000	Cái
20	Kim châm cứu vô trùng dùng 01 lần kích cỡ 0,3x60 mm ( $\pm 10$ mm)	Kim châm cứu vô trùng dùng 01 lần. Chất liệu thép không gỉ, dẫn điện. Kích thước thân kim 0,3mm x 60mm ( $\pm 10$ mm). Đóng gói vỉ giấy tối đa 05 cây. Hạn sử dụng tối thiểu 18 tháng.	500	Cái
21	Điếu ngải cứu (Nhang ngải cứu)	Chất liệu chứa lá ngải cứu khô Kích thước điếu: 18mm x 200mm ( $\pm 10$ mm)	50	Cái
22	Xanh Methylene	Hóa chất xanh Methylene dạng dược dụng. Có chứng nhận kiểm nghiệm chất lượng COA.	1.000	Gam
23	Kẽm oxid	Hóa chất kẽm oxid dạng dược dụng. Có chứng nhận kiểm nghiệm chất lượng COA.	500	Gam
24	Natri benzoat	Hóa chất natri benzoat dạng dược dụng. Có chứng nhận kiểm nghiệm chất lượng COA.	1.000	Gam
25	Natri Clorid	Hóa chất natri clorid dạng dược dụng. Có chứng nhận kiểm nghiệm chất lượng COA.	100.000	Gam
26	Sáp hematocrit	Sáp dùng cho ống Hematocrit sử dụng để chặn một đầu ống mao quản trước khi đưa vào máy ly tâm	50	Hộp
27	Cốc nhuộm hoá chất bằng thủy tinh có nắp	Cốc nhuộm hoá chất bằng thủy tinh có nắp.	20	Cái
28	Khay nhuộm lam bằng thủy tinh	Khay nhuộm lam bằng thủy tinh	7	Cái

Phụ lục 2

Tên công ty:

Địa chỉ:

SĐT:

**BÁO GIÁ**

(Đính kèm Thông báo số: XXXXXXXXXX /TB-BVND2 ngày 18 tháng 1 năm 2023)

**Kính gửi: Bệnh viện Nhi Đồng 2**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Nhi Đồng 2, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ và email của hãng sản xuất, nhà cung cấp, trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh)] thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

TT	Danh mục thiết bị y tế trong danh mục của BV	Danh mục thiết bị y tế <sup>(1)</sup>	Ký, mã, nhãn hiệu, model <sup>(2)</sup>	Mã HS <sup>(3)</sup>	Mã vật tư theo QĐ 5086/QĐ-BYT	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đặc tính kỹ thuật <sup>(4)</sup>	Năm sản xuất <sup>(5)</sup>	Hãng sản xuất - Nước sản xuất <sup>(6)</sup>	Số lượng/ Khối lượng <sup>(7)</sup>	Đơn giá <sup>(8)</sup> chưa bao gồm mục (16) và (17) (VNĐ)	Giá và Quyết định phê duyệt KQLCNT trong vòng 120 ngày	Chi phí cho các dịch vụ liên quan <sup>(9)</sup> (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) <sup>(10)</sup> (VNĐ)	Tổng đơn giá (bao gồm VAT, thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan)	Thành tiền <sup>(11)</sup> (VNĐ) (18) = [(14) + (16) + (17)] x (13)
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật, chứng nhận lưu hành và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Bảng báo giá này có hiệu lực trong vòng ..... ngày, [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ..... [ghi ngày... tháng ... năm ..... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

*[Handwritten signature]*



- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày ... tháng ... năm .....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp<sup>(12)</sup>**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

**Ghi chú:**

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, môdel của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”;
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (4) Mô tả dựa trên tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ thiết bị y tế (bao gồm hãng sản xuất, nước sản xuất và các thông tin khác liên quan).
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải qua, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

*Mu*